

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Tri thức ngữ văn của bài học này được xác định là những đặc điểm lí luận của thể loại truyền thuyết như cốt truyện, nhân vật, lời kể,... Đây là thể loại trọng tâm của bài học này. Sau đây là những khái niệm, nội dung cốt lõi cần lưu ý khi thực hiện việc chuẩn bị và tổ chức dạy học bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng.*

Truyền thuyết

– Có nhiều định nghĩa khác nhau về truyền thuyết, nhưng tựu trung lại đều nhấn mạnh hai yếu tố: phạm trù nội dung mà truyền thuyết quan tâm phản ánh là những sự kiện và nhân vật có liên quan đến lịch sử; hình thức nghệ thuật nổi bật của truyền thuyết là các yếu tố hư cấu, tưởng tượng, kì ảo. Trong đó, nội dung phản ánh là yếu tố thường được dùng để phân biệt giữa truyền thuyết với các thể loại tự sự dân gian khác: thần thoại, cổ tích. Truyền thuyết có mối liên hệ với lịch sử đậm nhất, rõ nét nhất. Thần thoại quan tâm đến việc lí giải nguồn gốc của các hiện tượng tự nhiên, phản ánh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Còn cổ tích thì quan tâm nhiều hơn đến các mối quan hệ thế sự giữa người với người trong xã hội.

– Cần lưu ý rằng “truyền thuyết từ lịch sử mà ra, nhưng truyền thuyết không phải là lịch sử”, bởi truyền thuyết là truyện kể dân gian, là tác phẩm văn học nghệ thuật (tồn tại trong một chỉnh thể văn hoá dân gian có tính nguyên hợp). Cơ sở lịch sử, cốt lõi sự thật lịch sử trong các truyền thuyết chỉ là bối cảnh, chất liệu, và chỉ nên được coi là các chi tiết nghệ thuật,

vì nó thường có yếu tố lí tưởng hoá thông qua sự tưởng tượng kì ảo, sự hư cấu thần kì, góp phần chuyển tải tư tưởng, tình cảm thẩm mĩ của tác giả dân gian đối với nhân vật và sự kiện lịch sử.

– SHS đã lựa chọn cách diễn đạt giản dị nhất để HS lớp 6 có thể ghi nhớ được. GV có thể tham khảo một số định nghĩa khác về truyền thuyết:

+ “Truyền thuyết là những truyện có dính líu đến lịch sử mà lại có sự kì diệu – là lịch sử hoang đường – hoặc là những truyện tưởng tượng ít nhiều gắn với sự thực lịch sử” (Đỗ Bình Trị, 1961).

+ “Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lí tưởng hoá, gửi gắm vào đó tâm tình thiết tha của mình cùng với thơ và mộng, chấp đôi cánh của sức tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên tác phẩm văn hoá mà đời đời con cháu ưa thích” (Phạm Văn Đồng, 1969).

+ “Truyền thuyết là một thể tài truyện kể truyền miệng nằm trong loại hình tự sự dân gian; nội dung cốt truyện của nó là kể lại truyện tích các nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong vật theo quan niệm nhân dân, biện pháp nghệ thuật phổ biến của nó là khoa trương phóng đại, đồng thời nó cũng sử dụng những yếu tố hư ảo, thần kì như cổ tích và thần thoại. Nó khác thần thoại ở chỗ nhào nặn tự nhiên và xã hội trên cơ sở sự thật lịch sử cụ thể chứ không hoàn toàn trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng” (Kiều Thu Hoạch, 1971).

+ “Truyền thuyết là một thể loại trong loại hình tự sự dân gian phản ánh những sự kiện, nhân vật lịch sử hay di tích cảnh vật địa phương thông qua sự hư cấu nghệ thuật thần kì” (Lê Chí Quế, 1990).

Một số yếu tố của truyền thuyết

Ở đây tổng kết một số đặc điểm chính của truyền thuyết đã được các nhà nghiên cứu chỉ ra như sau:

– Truyền thuyết thường phản ánh thành tựu, chiến công của cộng đồng trong một quá trình lịch sử, kết tụ qua một sự kiện lịch sử cụ thể, một nhân vật lịch sử tiêu biểu, với hai kiểu sự kiện chính, hai kiểu nhân vật chính là: nhân vật anh hùng văn hoá (trong sự nghiệp dựng nước) và anh hùng chiến trận (trong sự nghiệp giữ nước).

– Nhân vật anh hùng là hình ảnh đại diện cho sức mạnh của cộng đồng, cho nguyện vọng, xu thế chung của cộng đồng. Nhiệm vụ của họ chính là nhiệm vụ trọng đại của cộng đồng tại thời điểm đó; và chiến công của họ cũng là chiến công mang tầm vóc dân tộc tại thời điểm đó.

Nếu căn cứ theo lịch sử, có thể sắp xếp các nhân vật vào hệ thống như sau:

+ Những nhân vật của những truyền thuyết về thời đại Văn Lang – Âu Lạc: Lạc Long Quân – Âu Cơ; Tản Viên Sơn Thánh (tinh), Thánh Gióng, Lang Liêu, nhân vật Vua Chủ – An Dương Vương,...

+ Những nhân vật của những truyền thuyết về thời Bắc thuộc: Hai Bà Trưng cùng các nữ tướng, Bà Triệu, Phùng Hưng, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn,...

+ Những nhân vật của những truyền thuyết về giai đoạn xây dựng và bảo vệ quốc gia “phong kiến độc lập” bao gồm: những anh hùng dân tộc chống ngoại xâm (Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi,...); những “anh hùng nông dân” chống phong kiến (Quận He Nguyễn Hữu Cầu, Phan Bá Vành, Hầu Tạo, chàng Lía,...); những danh nhân văn hoá và những vị quan có công đức với dân (Không Lộ Thiền Sư, Chu Văn An, Nguyễn Trãi,...).

Hai VB truyền thuyết *Thánh Gióng* và *Sơn Tinh, Thủy Tinh* mà SHS giới thiệu trong bài 6 đều là truyền thuyết về các nhân vật thời đại các Vua Hùng (nhà nước Văn Lang).

– Truyền thuyết thường sử dụng các yếu tố tưởng tượng, hư cấu mang ý nghĩa biểu tượng (có thể coi là các ước lệ nghệ thuật) để chuyển tải tư tưởng, tình cảm thẩm mỹ của tác giả dân gian về lịch sử. Ví dụ: truyền thuyết dân gian đã sử dụng những mô-típ thiêng hoá để miêu tả nhân vật anh hùng, sự kiện lịch sử. Thông thường là ba mô-típ: *ra đời kì lạ, chiến công phi thường* và *hoá thân thần kì*.

Một mô thức chung cho mọi anh hùng tiêu biểu của truyền thuyết là:

- + Sự ra đời thần kì của người anh hùng – nguồn gốc cao quý;
- + Chiến công mang màu sắc siêu nhiên, ảnh hưởng tới số phận cộng đồng;
- + Cái chết thần kì – sự hoá thân bất tử.

– Để phục vụ cho mục đích dễ nhớ, dễ kể, dễ lưu truyền của đời sống diễn xướng tự sự dân gian (nắm được cốt truyện cũng là nắm được nội dung của truyện), cốt truyện của truyện dân gian thường được tổ chức theo trình tự thời gian tuyến tính (cái gì xảy ra trước kể trước, cái gì xảy ra sau kể sau), vì vậy cốt truyện của truyền thuyết cũng thường gồm 3 phần, tương ứng với 3 giai đoạn trong cuộc đời của nhân vật chính: *hoàn cảnh xuất hiện và thân thế của nhân vật chính – sự nghiệp và chiến công phi thường – kết cục của nhân vật*. Truyện bắt đầu tại thời điểm lịch sử “gọi tên” – thời điểm cần có những cá nhân anh hùng, tập thể anh hùng gánh vác trọng trách của cộng đồng, và đó là lí do để nhân vật chính xuất hiện, đáp ứng yêu cầu của lịch sử. Khi nhân vật hoàn thành sứ mệnh của mình thì cũng là lúc câu chuyện kết thúc.

Ở phần *sự nghiệp và chiến công*, trong một số trường hợp, nhân vật lịch sử có hành trạng cuộc đời trải qua nhiều địa phương khác nhau, để lại những dấu tích khác nhau, và cũng làm sản sinh ra nhiều truyền thuyết địa danh khác nhau gắn liền với tên tuổi, hoạt động của nhân vật. Điều này dẫn đến việc có cả một *chuỗi truyền thuyết* phản ánh sự kiện và nhân vật lịch sử, với nhiều bản kể và dị bản khác nhau. Khi giảng dạy, GV có thể giới thiệu cho HS các dị bản của cùng một cốt truyện kể, để HS hiểu về đặc điểm của truyện kể dân gian.

– Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, tôn vinh, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện, tạo niềm tin thiêng liêng cho mọi người vào những điều mà câu chuyện kể. Ví dụ:

+ Thời gian: câu chuyện được kể trong truyền thuyết thường được xác định bằng một thời điểm lịch sử cụ thể nào đó (*Vào đời..., Năm thứ..., Đến năm... đời...*).

+ Không gian: các truyền thuyết cũng thường gắn với một địa danh cụ thể, xác định, ví dụ: truyện *Thánh Gióng* liên quan rất rõ đến một số địa danh như làng Phù Đổng, huyện Gia Bình, núi Trâu Sơn, núi Ninh Sóc, làng Cháy,... với nhiều dấu tích như những dây ao tròn, tre đằng ngà; truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nói rõ Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên (Ba Vì), nơi Vua Hùng đóng đô là thành Phong Châu xưa; truyện *Sự tích Hồ Gươm* gắn với những địa danh cụ thể ở vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh và kinh đô Thăng Long – Hà Nội;...

Dấu chấm phẩy

Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp. Dấu chấm phẩy thường dùng để đánh dấu (ngắt) các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê (khi cần đánh dấu các thành phần, bộ phận nhỏ hơn, người ta thường dùng dấu phẩy), đặt ở cuối các dòng có tính chất liệt kê (trước khi xuống dòng chuyển sang một dòng khác). Tuy nhiên, GV không nên đi quá sâu vào vấn đề lí thuyết mà chú trọng thực hành, minh hoạ bằng ví dụ trong SHS hoặc tìm thêm ví dụ khác.

☐ Tài liệu tham khảo

– Khái niệm truyền thuyết được dùng với nội hàm như ngày nay đã trải qua nhiều tranh luận của các nhà nghiên cứu, học giả để định hình khái niệm. GV có thể tìm hiểu thêm về diễn tiến quan niệm truyền thuyết của các nhà nghiên cứu văn học dân gian từ đầu thế kỉ XX đến nay trong công trình: Trần Thị An, *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hoá truyền thuyết dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.

– Phần trình bày các đặc điểm thi pháp của thể loại truyền thuyết, GV có thể tìm đọc các cuốn sách như:

+ Đỗ Bình Trị, *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian*, NXB Giáo dục, 2002;

+ Lê Trường Phát, *Thi pháp văn học dân gian*, NXB Giáo dục, 2000.

2. Phương tiện dạy học

Ngoài các phương tiện dạy học truyền thống là bảng, phấn (bút viết bảng), nếu có điều kiện, GV nên chuẩn bị thêm một số công cụ dạy học khác như:

– Tranh ảnh: Có nhiều tranh ảnh minh hoạ về các truyền thuyết, lễ hội được học trong bài học (nguồn phong phú nhất là trên in-tơ-nét), GV có thể chọn lọc để minh hoạ cho bài học.

– Đoạn phim ngắn hoặc phim: Các truyền thuyết, lễ hội, sinh hoạt văn hoá trong bài học đều đã được dựng thành phim (đặc biệt là phim hoạt hình, phim tài liệu,...), dễ dàng tìm được trên in-tơ-nét. GV có thể chọn lọc để minh hoạ cho bài học.

– Sơ đồ, bản đồ, bảng biểu, mô hình: cần thiết cho việc minh hoạ cốt truyện, dàn ý hoặc ôn tập, tổng kết kiến thức.

– Các phương tiện kĩ thuật: máy tính, máy chiếu, màn chiếu, ti vi, hệ thống âm thanh, bảng điện tử, bút điện tử,...

– Phiếu học tập: GV tự thiết kế hoặc sử dụng các phiếu học tập có sẵn để tiến hành các hoạt động dạy học.